

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 19/2022/HSST
Ngày: 11/03/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn B

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng
2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trung Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 14/02/2022 đối với các bị cáo:

1. **Trần Đăng K (C)**, sinh năm 1992, nơi sinh tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1967 và bà Lê Thị Tuyết V, sinh năm 1967; Anh, chị em ruột: 02 người (01 nam, 02 nữ), lớn sinh năm 1988, nhỏ là bị cáo. Tiền sự: Không. Tiền án: 02 tiền án:

- Tại Bản án số 48/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã tuyên xử Trần Đăng K 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại Bản án số 10/2019/HS-ST ngày 05/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã tuyên xử Trần Đăng K 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt của hai bản án là 01 năm 03 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 11/3/2020.

Ngoài ra, tại Bản án số 15/2021/HS-ST ngày 04/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã tuyên xử Trần Đăng K 05 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Sau khi xét xử ngày 04/03/2021 thì bị cáo Trần Đăng K lại tiếp tục phạm tội nên bị Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đưa ra xét xử tại Bản án số 44/2021/HSST ngày 20/9/2021, tuyên xử Trần Đăng K 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành 06 năm tù.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 5, Cục C10, Bộ Công an (trụ sở tại tỉnh Hậu Giang), có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Gia B, sinh năm 1998, nơi sinh tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1971; Anh, chị em ruột: 02 người (01 nam, 01 nữ), lớn sinh năm 1997, nhỏ là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hữu P (PLV) sinh năm 2000, nơi sinh tại tỉnh Vĩnh Long; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973; Anh, chị em ruột: 02 người (01 nam, 01 nữ), lớn sinh năm 1997, nhỏ là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu P*: Bà Phan Thanh T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Địa chỉ: Số 162A/10 đường Nguyễn Huệ, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị hại*: Anh Huỳnh Trọng N, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PL A, xã PH, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp AH 1, xã MA, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2/Ông Đinh Văn T2, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã LP, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3/Anh Phan Trí A, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 22/5/2021, N mượn xe mô tô hiệu Exciter, biển số 64B1 - 897.79 của Nguyễn Thị Kim Y đứng tên đăng ký để đi đến nhà của Trần Đăng K chơi và ngủ lại tại nhà của K, vì Huỳnh Trọng N và Trần Đăng K là bạn bè.

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/5/2021, K hỏi Nghia mượn xe mô tô biển số 64B1 - 897.79 để đi công chuyện thì được Nghĩa đồng ý. K điều khiển xe mô tô biển số 64B1 - 897.79 cùng với Nguyễn Gia B và Nguyễn Hữu P đi đá gà ăn thua bằng tiền tại khu vực xã G. Do đá gà bị thua tiền nên K và Phúc đi về nhà của Phan Trí Ái chơi.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, tại nhà của A, K kêu Phúc đi tìm chỗ cầm xe dùm K. Do Phúc không biết chỗ cầm xe nên Phúc điện thoại cho Nguyễn Gia B và hẹn gặp nhau tại khu vực chợ Cái Ngang để B dẫn Phúc đi cầm xe dùm K. Cả Phúc và B đều hiểu rõ là xe mô tô biển số 64B1 - 897.79 không phải thuộc quyền sở hữu của K nhưng vì muốn giúp K và bản thân Phúc, B cũng được hưởng tiền từ việc cầm xe nên Phúc và B chạy xe đến tiệm cầm đồ Thanh, địa chỉ ấp B, xã LP, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do ông Đinh Văn T làm chủ để B giới thiệu cho P cầm xe và lấy số tiền 6.000.000 đồng (B có quen với ông T). P đưa cho B số tiền 300.000 đồng, còn phần P do đang thiếu K 200.000 đồng nên P không lấy tiền công đi cầm xe mà cân trừ với K số tiền 200.000 đồng mà P thiếu, số tiền còn lại là 5.700.000 đồng P đưa cho K, K đưa cho Phan Trí A mượn số tiền 2.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày 23/5/2021, K đi bộ về đến nhà thì gặp N, N hỏi xe đâu thì K đưa ra lý do “*đi đá gà bị công an bắt nên đã tạm giữ xe*” và hẹn hôm sau sẽ đóng phạt lấy xe trả cho N nhằm làm cho N tin tưởng mà không đòi lại xe. Đến ngày 10/6/2021, Trần Đăng K, Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P vẫn không

có tiền để chuộc xe mô tô biển số 64B1 - 897.79 trả lại cho Huỳnh Trọng N nên N đã trình báo sự việc đến công an xã B, sau đó nguồn tin được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình thụ lý.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 37/KL-ĐGTS ngày 07/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tam Bình kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 64B1 - 897.79 có giá trị còn lại tại thời điểm bị chiếm đoạt là 26.000.000 đồng (*hai mươi sáu triệu đồng*).

Vật chứng được cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) xe mô tô Exciter, màu sơn xanh - bạc - đen, số khung RLCUG0610HY481481, số máy G3D4E503409, biển số 64B1 - 897.79.

Ngày 21/10/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình tiến hành trao trả cho chị Nguyễn Thị Kim Y tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô Exciter, màu sơn xanh - bạc - đen, số khung RLCUG0610HY481481, số máy G3D4E503409, biển số 64B1 - 897.79.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Trọng N không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Kim Y đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 64B1 - 897.79 và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo và bị hại. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đinh Văn T yêu cầu bị cáo B và P bồi thường số tiền 6.000.000 đồng.

Đối với ông Đinh Văn T do không biết xe mô tô biển số 64B1 - 897.79 là tài sản do K, B và Phúc phạm tội mà có nên đã đồng ý cầm số tiền 6.000.000 đồng. Đối với Phan Trí A không biết số tiền 2.000.000 đồng mà K cho mượn là do K phạm tội mà có nên đã tiêu xài, do đó hành vi của ông T và A chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không xử lý.

Tại Bản cáo trạng số: 79/CT-VKSTB ngày 31/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố các bị cáo Trần Đăng K, Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, các bị cáo đã thừa nhận

hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Trần Đăng K, Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Trần Đăng K phạm tội khi chưa được xóa án tích mà lại tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*:

+ Các bị cáo Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P đã liên đới bồi thường số tiền 500.000đ cho ông Đinh Văn T nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Tất cả các bị cáo Trần Đăng K, Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Riêng đối với bị cáo B và Phúc còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ: phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, 17, 58 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố các bị cáo: Trần Đăng K, Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 1, 5 Điều 178; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của bộ luật hình sự, tuyên xử bị cáo Trần Đăng K mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 44/2021/HSST, ngày 20/09/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xử phạt bị cáo 06 năm tù, buộc bị cáo chấp hành mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của bộ luật hình sự, tuyên xử bị cáo Nguyễn Gia B mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của bộ luật hình sự, tuyên xử bị cáo Nguyễn Hữu P mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Gia B là bị cáo bồi thường cho ông Đinh Văn Thanh số tiền 5.500.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo K đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng là xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về lại gia đình, làm lại cuộc đời.

Tại phiên tòa, bị cáo B đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng là được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Phúc đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng là xin được hưởng án treo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu P: Thống nhất Bản Cáo trạng truy tố và luận tội của Viện Kiểm sát. Bị cáo Phúc phạm tội với vai trò đồng phạm, tuy nhiên khi phạm tội bị cáo Phúc có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có khắc phục bồi thường, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo thuộc hộ nghèo nên gia đình khó khăn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, giúp ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo B tự nguyện bồi thường phần còn lại

nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, xem xét miễn án phí cho bị cáo Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng trong quá trình điều tra, truy tố đã có bản khai của đương sự, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2]. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngoài ra vụ án còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, phù hợp với bản tự khai của bị cáo, nên có căn cứ kết luận: Bị cáo Trần Đăng K sau khi hỏi mượn xe mô tô biển số 64B1 - 897.79 do Huỳnh Trọng N quản lý, sử dụng để đi đá gà ăn thua bằng tiền. Do chơi đá gà bị thua tiền nên vào khoảng 10 giờ ngày 23/05/2021, tại nhà của Phan Trí Ái, ngụ ấp E, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, lợi dụng sự tin tưởng của N nên dù chưa được sự đồng ý của N nhưng Trần Đăng K kêu Nguyễn Hữu P, Phúc kêu thêm Nguyễn Gia B để cùng đi cầm xe dùm K được số tiền 6.000.000 đồng, P chia cho B 300.000 đồng, còn phần P cân trừ với K số tiền 200.000 đồng mà P thiếu trước đó, số tiền còn lại là 5.700.000 đồng P đưa cho K, K cho Phan Trí A mượn 2.000.000 đồng, số tiền còn lại K tiêu xài cá nhân hết, xe

mô tô biển số 64B1 - 897.79 bị chiếm đoạt có giá trị là 26.000.000đ (*Hai mươi sáu triệu đồng*).

Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Đăng K, Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”:

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, vừa giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe để lao động tạo ra của cải nuôi sống bản thân và gia đình, trái lại bị cáo không lo làm ăn mà lợi dụng sự tin tưởng của bị hại là bạn bè với nhau để chiếm đoạt tài sản.

Hành vi đó cho thấy ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của bị hại, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an cho địa phương. Do trong vụ án có nhiều bị cáo nên hành vi phạm tội của các bị

cáo cần được xem xét tương xứng với tính chất, mức độ và hành phạm tội của từng bị cáo.

[4]. Đối với bị cáo Trần Đăng K là người trực tiếp mượn xe của Nghĩa và rủ B với Phúc đi cầm xe, bản thân bị cáo có nhiều tiền án chưa được xóa án tích. Lẽ ra sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo phải biết giữ mình trong khuôn khổ pháp luật để không phạm tội, đằng này vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, không phải lao động vất vả, đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Do đó cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung xã hội, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để bị cáo có thời gian sửa chữa hành vi mà mình gây ra.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có cơ sở.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Đăng K phạm tội khi chưa được xóa án tích, đây là trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Đăng K: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2021/HS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xử phạt bị cáo 06 (Sáu) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nên tổng hợp với hình phạt về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” trong vụ án này, buộc bị cáo K chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[5]. Đối với bị cáo Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P sau khi nghe bị cáo K rủ đi cầm xe mô tô biển số 64B1 - 897.79, biết xe không phải của bị cáo K là vi phạm pháp luật, lẽ ra các bị cáo phải biết khuyên ngăn bị cáo K không cầm xe và trả xe lại cho bị hại thì các bị cáo đồng ý và giúp sức cho K. Hành vi đó cho thấy ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có khắc phục bồi thường, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên cần xem xét đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở, chỉ cần giao bị cáo về cho địa phương giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ răn đe các bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Gia B là bị cáo bồi thường cho ông Đinh Văn T số tiền 5.500.000 đồng.

[8]. Về số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần Đăng K phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có là 5.700.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Gia B phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có là 300.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo Trần Đăng K, Nguyễn Gia B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Gia Phúc thuộc hộ nghèo nên miễn tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Đối với ông Đinh Văn T do không biết xe mô tô biển số 64B1 - 897.79 là tài sản do K, B và Phúc phạm tội mà có nên đã đồng ý cầm số tiền 6.000.000 đồng. Đối với Phan Trí A không biết số tiền 2.000.000 đồng mà K cho mượn là do K phạm tội mà có nên sử dụng, do đó hành vi của ông T và A chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình không xử lý là có căn cứ.

[11]. Đối với lời bào chữa của vị trợ giúp viên pháp lý có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Đăng K, Nguyễn Gia B, Nguyễn Hữu P phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1, 5 Điều 175; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, các điều 17, 38, 50, 56, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Đăng K 02 (Hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 06 (Sáu) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2021/HS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bị cáo Trần Đăng K chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2021, được khấu trừ vào thời gian bị tạm giam từ ngày 12/7/2020 đến ngày 09/10/2020.

Tuyên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[2]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 50, 58, 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia B 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/03/2022). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/03/2022). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[3]. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Gia B là bị cáo bồi thường cho ông Đinh Văn T số tiền là 5.500.000đ (*Năm triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

[4]. *Về tiền thu lợi bất chính*: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên buộc bị cáo Trần Đăng K phải nộp số tiền 5.700.000đ (*Năm triệu, bảy trăm nghìn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Gia B phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

[5]. *Về án phí sơ thẩm*:

[5.1]. *Về án phí hình sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc mỗi bị cáo Trần Đăng K, Nguyễn Gia B phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tuyên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Hữu P.

[5.2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Gia B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Công an huyện Tam Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Bình;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Trại giam Kênh 5, Cục C10 – Bộ Công an;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã B, huyện Tam Bình;
- UBND xã G, huyện Tam Bình;
- UBND xã D, huyện Tam Bình;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn B